TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA HANG** **TỈNH TUYÊN QUANG** ---***---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2020.
"Kiện xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lương Thị Huệ**.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông **Hoàng Văn Lang.**

Ông **Nguyễn Đức Nhâm.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Bùi Thị Hồng Phúc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa***: Bà **Ma Thị Thắm** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc *"Kiện xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị K**, sinh năm 1975.

Trú tại: Thôn Ph, xã S, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh **Bế Văn Th**, sinh năm 1970.

Trú tại: Thôn L, xã N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Khé có mặt, anh Thừa vắng mặt tại phiên toà lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Triệu Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bế Văn Th kết hôn ngày 22/3/2017 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc tại Thôn Ph, xã S, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Được khoảng hai tháng thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Th không tin tưởng chị, thường xuyên nghi

ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, vì lý do đó mà anh Th thường xuyên đánh đập chị K, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc, chị K và anh Th đã sống ly thân từ tháng 3/2019 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Bế Văn Th.

Về con chung: Chị K xác định chị và anh Th có 01 con chung là cháu Bế Quỳnh A, sinh ngày 12/02/2018, hiện cháu còn nhỏ và đang ở với chị K. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu A, yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức 3.000.000 (ba triệu đồng)/ tháng, đến khi cháu Ađủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà chị K giữ nguyên quan điểm của mình là đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bế Văn Th; Về con chung có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bế Quỳnh A và yêu cầu anh Thừa cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Na Hang đã nhiều lần triệu tập anh Bế Văn Th đến giải quyết vụ án nhưng anh Th đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã gửi văn bản tố tụng qua dịch vụ bưu chính và phối hợp với chính quyền địa phương trực tiếp đến nhà anh Th để tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập phiên tòa cho anh Th. Tòa án nhân dân huyện Na Hang tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Th, kết quả xác minh anh Th có mặt tại địa phương và biết việc Tòa án thụ lý vụ án, nhưng cố tình không đến Tòa án làm việc cũng không có yêu cầu phản tố, không cung cấp bản tự khai, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc anh Th cố ý trốn tránh nhằm gây khó khăn cho việc chị K xin ly hôn với anh Th.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn anh Th đã không thực hiện đầy đủ theo giấy triệu tập đương sự, Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của BLTTDS; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107,110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị K, xử cho chị K được ly hôn với anh Th. Về con chung: Giao cháu Bế Quỳnh A, sinh ngày 12/02/2018 cho chị K được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, buộc anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị K theo quy định. Về tài sản

chung và nợ chung: Không xem xét do đương sự không yêu cầu. Chị K và anh Th phải chịu án phí và được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Ngày 27/12/2019 Tòa án huyện Na Hang nhận được đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Triệu Thị K với Bế Văn Th có hộ khẩu thường trú tại Thôn L, xã N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa chị Triệu Thị K có mặt, bị đơn anh Bế Văn Th vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa lần 1 và lần 2. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt anh Bế Văn Th theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ lời khai của chị Triệu Thị K; kết quả xác minh tại UBND xã S, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang có cơ sở xác định: Chị Triệu Thị K và anh Bế Văn Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 22/3/2017, do vậy hôn nhân của chị K và anh Th là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và kết quả xác minh thấy rằng: Chị K và anh Thchung sống hạnh phúc được khoảng hai tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, anh Th nghi ngờ chị K có quan hệ với người đàn ông khác, anh Th thường xuyên uống rượu rồi gây sự đánh chửi chị K, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 03/2019 cho đến nay, chị K và anh Th không còn quan tâm đến nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Triệu Thị K và anh Bế Văn Th đã rất trầm trọng, mâu thuẫn đã diễn ra trong một thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị K. Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Triệu Thị K được ly hôn với anh Bế Văn Th.

[3] *Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung*: Quá trình giải quyết vụ án chị K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bế Quỳnh A và yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng); anh Th vắng mặt không có ý kiến gì. Nguyện vọng nuôi con của chị K là hợp lý và hợp pháp, hiện nay cháu A còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) rất cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ để đảm bảo sự phát triển bình thường về tâm lý của trẻ nhỏ cũng như quyền lợi mọi mặt của cháu A. Tại phiên tòa chị K yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi cháu Bế Quỳnh A theo quy định của pháp luật. Quá quá trình xác minh tại Thôn L, xã N xác định anh Th hiện nay đang sống một mình và thuộc diện hộ nghèo, thu nhập bình quân từ 800.000đ đến 1.000.000 đồng/tháng. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84, 107,110, 116, 117,118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho chị Triệu Thị K được quyền nuôi dưỡng cháu Bế Quỳnh A, sinh ngày

12/02/2018 (hiện nay cháu A đang ở với chị K). Anh Bế Văn Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)/tháng và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

[4] *Về chia tài sản và nợ chung*: Chị K xác định không có tài sản chung và nợ chung. Quá trình giải quyết anh Th không có ý kiến trình bày và yêu cầu đối với tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Áp dụng các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mặc dù chị Triệu Thị K và anh Bế Văn Th thuộc diện hộ nghèo trong quá trình giải quyết vụ án chị K không có đơn đề nghị miễn tiền án phí, anh Th đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc và cũng không có đơn đề nghị miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, nên chị Triệu Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật, anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Triệu Thị K. Cho chị Triệu Thị K được ly hôn với anh Bế Văn Th. Quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh Th chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Bế Quỳnh A, sinh ngày 12/02/2018 cho chị Triệu Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Bế Văn Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn với là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Bế Quỳnh A đủ 18 tuổi. Anh Th có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

" Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015".

3. Về án phí: Chị Triệu Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000[đ] *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền chị K đã nộp tạm ứng

án phí là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006060 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, chị K đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Bế Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKS huyện + tỉnh;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *UBND xã;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS + VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Huệ

cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí các nội dung trên.

Biên bản kết thức hồi giờ phút cùng ngày, đã thông qua cho các thành phần tham gia, đều nhất trí ký tên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Đức Nhâm Hoàng Văn Lang Phan Anh Thành